

Số: 18/2022/QĐST-DS

YL, ngày 18 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày L biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: C, phường 04, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Bên được ủy quyền:* Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: B, T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh T - Chủ tịch công ty.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh C - Phó tổng giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông Đoàn Ngọc K - Phó phòng xử lý nợ; Ông Mai Đắc N - Nhân viên xử lý nợ; bà Nguyễn Thị T - Chuyên viên xử lý nợ; ông Trịnh Đức T - Nhân viên xử lý nợ thuộc Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ: B, T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình

Định. Địa chỉ liên lạc: 413 K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại lần 2: Ông Đoàn Ngọc K - Phó phòng xử lý nợ; Ông Triệu H- Nhân viên xử lý nợ; bà Nguyễn Thị T - Chuyên viên xử lý nợ; ông Hà Q- Nhân viên xử lý nợ thuộc Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ: A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

*Đồng bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1981

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

1. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A, ông Hà Q và anh Đ, chị L cùng thống nhất số tiền nợ gốc là 580.000.000 đồng và lãi tiền vay tính đến ngày 11/7/2022 là 163.880.983 đồng. Tổng cộng anh Đ và chị L cùng thống nhất trả cho Ngân hàng TMCP A là: 743.880.983 đồng, làm tròn 743.880.000đ (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả tiền gốc, lãi nợ quá hạn và các khoản phí phát sinh từ ngày 12/7/2022 trở đi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay.

3. Trường hợp anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L không trả được nợ Ngân hàng, Ngân hàng có quyền Đ N cơ quan Thi hành án xử lý tài sản của anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L để trả nợ khoản vay của anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP A.

*Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0001/2020/808-BĐ, số công chứng 334, quyển số: 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Kim Đức, tỉnh Phú Thọ chứng nhận ngày 21/01/2020:*

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7, diện tích 4.779,7m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất tại xóm T, xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 740738, số vào sổ cấp GCN: CH 01638 do Ủy ban nhân dân huyện YL cấp ngày 29/4/2014 đứng tên ông Nguyễn Đăng Đ và bà Nguyễn Thị L.

Giá trị tài sản thế chấp 861.000.000đ (Tám trăm, sáu mươi một triệu đồng).

4. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, bảo đảm để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp phải có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

5. Nếu tài sản đã phát mãi không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nốt số nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ và có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 12.579.000đ (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đăng Đ và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 16.878.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A (Do ông Trịnh Đức T nộp) số tiền 17.574.000đ (Mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0008442 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

8. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ tục phúc thẩm.

9. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Tuấn Anh**